

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **268/2022/HS-PT**

Ngày: 13 – 7 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn.

Các thẩm phán: Ông Dương Lê Bửu T.

Bà Lê Thị Ký.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn A – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 364/2021/TLPT-HS ngày 28 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 127/2021/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thanh Tuấn A**. Tên gọi khác: “Tuấn A Không Lờ”; sinh năm 1985; Nơi sinh: Đồng Nai; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: 37/16 tổ 15, Khu 9 thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1954 (chết năm 2019) và con bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1954; Anh chị em ruột: 05 người, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Sống chung

như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1987 (đã bỏ đi đâu không rõ);
Con: Nguyễn Thanh Tuấn S, sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 21/9/2011 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong ngày 07/3/2013;

- Ngày 24/12/2013 bị Ủy ban nhân dân huyện T áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” với thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 24/12/2015.

Bị bắt ngày 19/6/2019 (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn A: Ông Trần Thái Bình – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trần Luật thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.*

Địa chỉ: 129 Dương Quảng Hàm, phường 7, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra còn có bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 01 giờ 10 phút ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại phòng số 106 nhà nghỉ Quốc H (thuộc khu 2, thị trấn T, huyện T), do ông Hồ Quốc H (sinh năm 1980) làm chủ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Hoàng Phú Trường K và Phạm Thị Bích V về hành vi “tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Vật chứng thu giữ:

- 02 gói nylon hàn kín, kích thước 4x4cm và 01 gói nylon hàn kín kích thước 3x3,5cm) bên trong chứa chất tinh thể màu trắng thu giữ trong đèn pin đặt trên kệ tường ở đầu giường.

- 01 chai nhựa nắp màu vàng có 02 lỗ tròn, 01 ống nhựa thu giữ trong nhà vệ sinh; 01 ống thủy tinh đã vỡ thu trong bồn cầu; 01 bình ga mini; 01 kéo kim loại, một bật lửa; số tiền 1.705.000đ thu trong túi quần của K; 01 ĐTDĐ hiệu itel, màu đen, số sim 1: 0792.759.064, số sim 2: 0382613663; 01 ĐTDĐ hiệu acer, màu đen, số sim 0865702635; 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu trắng đen biển số 59P1-35469 và 01 xe mô tô hiệu Max, màu vàng, biển số 60FR-1167 thu giữ trong nhà nghỉ.

- 02 gói nylon hàn kín, có kích thước 4x4cm và 3,5x3cm bên trong chứa tinh thể màu trắng thu giữ trong đèn pin của Hoàng Phú Trường K được niêm phong có ký hiệu là: M1 và M2.

*Kết luận giám định số 142/PC09-GĐMT ngày 01/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận về đối tượng giám định:

- Mẫu tinh thể màu trắng (Kí hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 2,5022 gam, loại: Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng (Kí hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,2000gam, loại: Methamphetamine.

Tổng khối lượng ma túy M1, M2 là: 2,7022gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra đã thể hiện: giữa Nguyễn Thanh Tuấn A, Hoàng Phú Trường K, Phạm Thị Bích V, Sú A S, Huỳnh Tấn T, Hồ Thanh Thảo V1 có mối quan hệ quen biết và là những đối tượng nghiện ma túy. Từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019, Nguyễn Thanh Tuấn A đã nhiều lần giao ma túy đá (loại Methamphetamine) cho Hoàng Phú Trường K, Phạm Thị Bích V, Sú A S, Huỳnh Tấn T để bán cho những người nghiện khác.

Từ tháng 10 năm 2018 đến ngày 28 tháng 11 năm 2019, K đã 03 lần lấy ma túy từ Nguyễn Thanh Tuấn A để phân lẻ bán cho những người nghiện, số tiền bán ma túy có được sẽ đưa lại cho Tuấn A và được Tuấn A trả tiền công, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng ngày 15 tháng 10 năm 2018 Nguyễn Thanh Tuấn A gọi điện thoại cho Hoàng Phú Trường K hẹn gặp nhau ở khu vực phía trước nhà nghỉ Quốc H thuộc khu 2, thị trấn T để giao ma túy, tại đây Nguyễn Thanh Tuấn A đã đưa cho K một gói thuốc lá hiệu caraven bên trong có chứa “01 góc tư” ma túy đá, K mang vào phòng 106 nhà nghỉ Quốc H cất giấu và phân lẻ thành 06 gói ma

túy nhỏ bán cho 03 người nghiện, mỗi người 02 lần, mỗi lần 01 gói giá 500.000đ, số tiền thu được là 3.000.000đ, số tiền này K đưa lại cho Tuấn A và được Tuấn A trả công 500.000đ.

Lần thứ hai: Vào khoảng ngày 28 tháng 11 năm 2018 Nguyễn Thanh Tuấn A gọi điện thoại cho K hẹn đến dốc km 123 QL20 thuộc khu 1, thị trấn T, K đồng ý và điều khiển xe mô tô hiệu Sirius màu trắng đen, biển số 59P1-35469 từ nhà nghỉ Quốc H đến điểm hẹn. Tuấn A điều khiển xe mô tô từ hướng huyện Đ chạy về và quay đầu xe chạy song song với K, đưa cho K 01 gói ma túy đá (01 góc tư) rồi chạy xe về hướng huyện Đ, còn K cầm ma túy trên tay chạy về nhà nghỉ Quốc H phân lẻ thành 05 gói ma túy và bán cho 03 người nghiện mỗi gói giá 600.000đ, số tiền thu được là 3.000.000đ, số tiền này K đưa cho Tuấn A và được Tuấn A trả công 500.000đ.

Lần thứ ba: Vào khoảng 19 giờ ngày 27 tháng 01 năm 2019 Nguyễn Thanh Tuấn A điều khiển xe mô tô đến khu vực phía trước nhà nghỉ Quốc H bỏ vào thùng rác 01 gói thuốc lá hiệu Caraven bên trong có chứa ma túy “01 góc tư” rồi gọi điện thoại cho K đến lấy, K lấy và mang vào phòng 106 nhà nghỉ Quốc H lấy ra một ít để sử dụng cùng với Phạm Thị Bích V, phần còn lại phân thành 02 gói (01 lớn, 01 nhỏ) cất giấu vào bên trong chiếc đèn pin để trên đầu giường ngủ với mục đích nhằm bán cho người nghiện, đến 01 giờ 10 phút ngày 28 tháng 01 năm 2019 thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng tang vật.

Đối với hành vi của Nguyễn Thanh Tuấn A, Hoàng Phú Trường K và Phạm Thị Bích V: Nguyễn Thanh Tuấn A có mối quan hệ tình cảm với Phạm Thị Bích P – sinh năm 1999 (P là em gái của V, con gái bà Trần Thị Ngọc B, cư ngụ tại ấp 2, xã P, huyện T). Vào tháng 10 năm 2018 Nguyễn Thanh Tuấn A và Hoàng Phú Trường K đến nhà Phạm Thị Bích V ở xã Phú Điền chơi và K quen biết V từ đây, cũng trong thời gian này V biết Tuấn A và K có hoạt động mua bán trái phép chất ma túy đá; từ đây để có tiền tiêu xài, V bắt đầu giao bán ma túy giúp K và Tuấn A, cách thức giao dịch như sau: khi người nghiện muốn mua ma túy sẽ gọi điện thoại cho V qua số điện thoại 0379244817 thì V sẽ gọi điện thoại cho K qua số

0989860951 để hỏi K còn ma túy không, nếu còn thì V sẽ báo lại cho người mua, còn K sẽ báo với Tuấn A để phân ma túy, nếu người mua với số lượng ma túy lớn khoảng từ “hộp 10” trở lên (giá từ 6.000.000đ) thì Tuấn A sẽ mang ma túy đến cho K hoặc nếu người mua quen thì Tuấn A trực tiếp giao bán. Nếu ma túy dưới “hộp 5” (giá dưới 5.000.000đ) hoặc những gói ma túy nhỏ có giá từ 300.000đ đến 500.000đ thì K sẽ điều khiển xe mô tô đến điểm hẹn ở quán cà phê hoặc ném bịch ma túy có quần băng keo đen ở khu vực bồn hoa thuộc dải phân cách đường vào công viên Suối Mơ cách đường Trà Cổ khoảng 100m, sau đó V đến lấy về giao bán cho những người nghiện muốn mua, số tiền có được từ việc bán ma túy V đưa lại hết cho K, K đưa lại cho Tuấn A, sau đó Tuấn A sử dụng số điện thoại 0356.138.178 gọi cho V để thông báo số tiền công và đưa tiền cho K để K đưa tiền công cho V từ 100.000đ đến 200.000đ. Với cách thức như trên, vào tháng 12 năm 2018 theo chỉ đạo của Nguyễn Thanh Tuấn A, K đã hai lần giao ma túy cho V và V đã bán ma túy cho khoảng 10 người nghiện.

Vào khoảng 12 giờ ngày 09/4/2019, tại khu 1 thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Sứ A S có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trong túi quần bên trái của S thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật gồm:

- 13 gói nylon hàn kín (gồm 09 gói hình chữ nhật và 04 gói hình vuông) đựng trong một bao nylon có chứa chất tinh thể màu trắng; 08 gói nylon hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng có hình chữ nhật được đựng trong một bao nylon và 11 gói nylon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106, màu đen; 01 ví da bên trong có số tiền 5.300.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 60- 496HJ.

Qua điều tra ban đầu, Sứ A S khai nhận bản thân là người nghiện ma túy, muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng cuối năm 2018, S bắt đầu mua ma túy về nơi ở của mình tại ấp 1 xã Phú Lộc, huyện T, tỉnh Đồng Nai phân lẻ bán lại cho các con nghiện để kiếm lời, 32 gói nylon để trong ví vải trong túi quần mà công an thu giữ vào ngày 09/4/2019 là ma túy đá S cất giấu để bán cho các con nghiện. Từ lời khai của S, cùng ngày Cơ quan điều tra khám xét nơi ở của Sứ A S và thu giữ:

- 01 gói nylon hàn kín, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng thu giữ trên bàn trong phòng ngủ của S;

- 10 ống thủy tinh; 01 bình thủy tinh có nắp nhựa gắn với ống nhựa thu giữ trong đầu tủ trong phòng của S; 02 kéo kim loại; 30 gói nylon bên trong không có gì; 01 ống nhựa cắt xéo; 01 cân tiểu lý điện tử thu giữ trên kệ bếp; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu đồng; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen thu giữ trong phòng ngủ của S.

-Tang vật thu giữ là 13 gói nylon hàn kín (gồm 09 gói hình chữ nhật và 04 gói hình vuông) đựng trong một bao nylon có chứa chất tinh thể màu trắng cho vào phong bì ký hiệu M1; 08 gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng có hình chữ nhật đựng trong 1 bao nylon được cho vào 01 phong bì ký hiệu M2; 11 gói nylon hàn kín bên trong chứa chất tinh thể màu trắng hình chữ nhật được cho vào 01 phong bì ký hiệu M3 và 01 gói nylon hàn kín, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng thu giữ trong phòng ngủ của S được cho vào 01 phong bì ký hiệu M4.

*Tại Bản kết luận giám định số 271/PC09-GĐMT ngày 18/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng thu giữ từ S ký hiệu M1, M2, M3, M4 được niêm phong do công an huyện T gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: M1 là 3,7214 gam; M2 là 3,3958 gam; M3 là 6,1207 gam và M4 là 0,1339 gam. Tổng khối lượng ma túy là 13,3718 gam.

Quá trình điều tra, đã thể hiện như sau:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2018, Sú A S và Hồ Thanh Thảo V1 có mối quan hệ tình cảm và sống chung với nhau như vợ chồng. Đầu năm 2019, cả hai về sống chung tại nhà ở ấp 1, xã Phú Lộc, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Do muốn có tiền tiêu xài và đáp ứng nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, vào khoảng cuối năm 2018, Sú A S bắt đầu mua ma túy của Nguyễn Thanh Tuấn A (tên thường gọi Tuấn A Không Lò) về phân lẻ ra bán cho những người nghiện để kiếm lời. Sú A S mua ma túy của Nguyễn Thanh Tuấn A 08 lần, trong đó mua 04 lần “hộp 5” với giá 3.000.000 đồng và 04 lần mua “hộp 10” giá 6.500.000 đồng, địa điểm giao dịch là

tại nhà Tuấn A, hoặc do Huỳnh Tấn T đi giao ma túy giúp cho Tuấn A tại quán cà phê Chuông G.

Sú A S sau khi mua được ma túy, đem về nơi ở của mình tại ấp 1, xã Phú Lộc, huyện T phân lẻ ra thành nhiều gói với kích thước khác nhau tùy theo giá tiền bán ra, đối với “hộp 5” phân được 25 gói, “hộp 10” phân được 40 gói và bán với giá từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng tùy vào kích thước của mỗi gói ma túy. Số ma túy sau khi phân lẻ, S dùng để sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện. Vào khoảng thời gian từ cuối năm 2018 đến ngày 09/4/2019, trên địa bàn huyện T, Sú A S đã nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng sau:

-Bán cho Nguyễn Hoài T, sinh năm 1994, ngụ ấp 7 xã Phú Thịnh, huyện T, tỉnh Đồng Nai khoảng 20 lần, mỗi lần 01 gói giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/gói. Địa điểm giao dịch tại quán cà phê Chuông G thuộc thị trấn T, huyện T và chỗ ở của Sú A S ở ấp 1, xã Phú Lộc, huyện T.

-Bán cho Trần Đình D (tên gọi khác là Sệ), sinh năm 1992, ngụ ấp 7 xã Phú Thịnh, huyện T khoảng 20 lần, mỗi lần 01 gói giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/gói. Địa điểm giao dịch tại đường hẻm bê tông gần trường học Nguyễn Chí Thanh thuộc ấp 4, xã Phú Lộc, huyện T.

-Bán cho Lưu Tấn P, sinh năm 1994, ngụ ấp 1, xã Phú Lộc, huyện T khoảng 20 lần, mỗi lần 01 gói giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/gói. Địa điểm giao dịch tại quán cà phê Chuông G thuộc thị trấn T, huyện T và chỗ ở của Sú A S ở ấp 1, xã Phú Lộc, huyện T.

-Bán cho Dương Ngọc N, sinh năm 1993, ngụ thị trấn T, huyện T 02 lần mỗi lần 01 gói giá 300.000 đồng tại quán cà phê Chuông G.

Ngoài ra, Sú A S còn khai nhận bán cho các đối tượng khác trên địa bàn, cụ thể: Bán cho Nguyễn Văn Q; bán cho đối tượng tên gọi “Bòm Ba Lý” bán cho đối tượng tên “Đen” bán cho đối tượng tên “Lâm” nhà ở đối diện nhà thờ Thọ Lâm thuộc xã P; bán cho đối tượng tên “Khôi” 01 lần, 01 gói giá 300.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng các đối tượng trên không có mặt tại địa phương hoặc chưa xác định được, hiện chưa lấy được lời khai nên chưa có căn cứ xử lý.

Hình thức giao dịch mua bán ma túy giữa S và các đối tượng nghiện ma túy là các đối tượng nghiện ma túy gọi vào số điện thoại 0367709770 của S để hỏi mua và nói số lượng cần mua, S đồng ý và hẹn địa điểm giao dịch, thường là ở quán cà phê Chuông G thuộc thị trấn T, đường hẻm gần trường học Nguyễn Chí Thanh thuộc ấp 4 xã Phú Lộc hoặc tại nơi ở của S ở ấp 1 xã Phú Lộc.

Trong thời gian sống chung với nhau, V1 biết S có mua bán trái phép chất ma túy và khi S nhờ V1 nhận giúp tiền từ Lưu Tấn Phát, V1 biết đó là tiền S bán ma túy cho Phát nhưng vẫn đồng ý, cụ thể:

Vào khoảng thời gian trước tết nguyên đán năm 2019, Lưu Tấn P có điện thoại cho S hỏi mua 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng, S đồng ý nhưng S không có ở nhà nhưng Phát đã đến gần chỗ ở của S và V1 tại ấp 1 xã Phú Lộc nên S có điện thoại cho V1 nhờ V1 lấy tiền của Phát, sau khi lấy tiền thì chỉ chỗ cất giấu ma túy cho Phát. Lần thứ hai, vào khoảng thời gian vừa qua tết nguyên đán năm 2019, Phát cũng hỏi S mua ma túy và S nhờ V1 lấy tiền, lấy tiền xong thì chỉ chỗ ma túy cho Phát.

Huỳnh Tấn T và Nguyễn Thanh Tuấn A có mối quan hệ anh em cô cậu ruột. Vào cuối tháng 10/2018, Tuấn A có nhờ T ra nhà Tuấn A phụ giúp công việc làm vườn (đào gốc cây và chăm sóc cây kiểng). Trong khoảng thời gian làm việc tại nhà Tuấn A, Tuấn A cũng nhiều lần nhờ T đi giao đồ vật giúp cho Tuấn A, T chưa biết Tuấn A có bán ma túy và cũng không biết đồ vật Tuấn A nhờ giao là vật gì, đến giữa tháng 02/2019, thời điểm này T đã biết Tuấn A có liên quan đến việc mua bán ma túy nhưng khi Tuấn A nhờ T giao giúp cho S 01 gói thuốc Jét bên trong có ma túy tại quán cà phê Chuông G thuộc thị trấn T, dù biết đó là ma túy nhưng T vẫn đồng ý đi giao ma túy giúp Tuấn A.

Quá trình điều tra, S, Huỳnh Tấn T, Hồ Thanh Thảo V1 đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, ngày 19 tháng 6 năm 2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành bắt giữ khẩn cấp bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn A tại nhà bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1956 ở ấp 2, xã Phú

Điền, bị cáo Tuấn A chống đối không hợp tác sau khi bắt giữ Tuấn A cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 dao có lưỡi dài 16cm, cán 10cm, có bao dài 22cm; 01 dao hình lưỡi liềm màu đen, có lưỡi dài 10cm, cán dài 12cm; 03 kéo kim loại;

- 04 điện thoại di động (01 Iphone 5 màu đồng, 01 Samsung màu đen, 01 Nokia màu đen, 01 Nokia màu xanh).

- 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 14.783.000 đồng, 02 tờ tiền có mệnh giá 2 đô la, 01 tờ tiền có mệnh giá 1 đô la;

- 01 xe mô tô hiệu Suzuki màu đỏ trắng, biển số 60B3-59082.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thanh Tuấn A tại khu 2, thị trấn T, Cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 gói ny long chứa thảo mộc khô; 01 gói thuốc lá hiệu Jet bên trong chứa thảo mộc; 01 bao nylon màu vàng bên trong chứa thảo mộc khô.

- 01 cân tiểu ly màu đen; 10 ống thủy tinh dài khoảng 20cm; 20 ống hút nước bằng nhựa màu trắng; 02 kéo cắt chỉ cán bằng nhựa màu đen; 02 ĐTDĐ Samsung (01 màu trắng, 01 màu đen); 01 ĐTDĐ Nokia E72, 01 ĐTDĐ Philips; 04 con dao; 03 kiếm có vỏ bọc màu đen; 01 bình ga Blue Sky; 01 nồi thủy tinh có gắn ống hút; 01 bọc nylon bên trong chứa nhiều bọc nhỏ kích thước 3x4cm viền màu xanh da trời; 01 bọc nylon bên trong chứa nhiều bọc nhỏ kích thước 3x4cm viền màu trắng; 01 cân tiểu ly Am Put; 01 bọc nylon chứa nhiều bọc nylon nhỏ kích thước 1,5x2cm viền xanh lá cây; 01 bình ga mini có gắn ống khò cùng nhiều dụng cụ sử dụng ma túy khác; 01 biển số 60T3-8845; 01 xe mô tô biển số 59 Y2-24056.

Tiến hành niêm phong những đồ vật gồm:

- 01 gói nylon bên trong chứa thảo mộc khô nghi là chất ma túy; kí hiệu: M1;

- 01 gói thuốc lá hiệu Jet bên trong chứa thảo mộc nghi là chất ma túy; kí hiệu: M2;

- 01 bao nylon màu vàng bên trong chứa thảo mộc khô nghi là chất ma túy; kí hiệu: M3;

*Kết luận giám định số 598/PC09-GĐMT ngày 25/07/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai:

- Mẫu thảo mộc khô (kí hiệu M1) có khối lượng: 10,7740gam, loại: Cần sa.
- Mẫu thảo mộc khô (kí hiệu M2) có khối lượng: 2,1140gam, không phải là ma túy.

- Mẫu thảo mộc khô (kí hiệu M3) có khối lượng: 4,3131gam, loại: Cần sa.

Ngày 24/6/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T khởi tố bị cáo đối với Nguyễn Thanh Tuấn A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và được Viện kiểm sát nhân dân huyện T phê chuẩn. Quá trình điều tra, Nguyễn Thanh Tuấn A không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời khai nhận không quen biết với các bị cáo Hoàng Phú Trường K, Sú A S.

-Về xử lý vật chứng: Những đồ vật, tài sản không liên quan đến nội dung vụ án, Cơ quan điều tra đã trao trả chủ sở hữu gồm: Chiếc xe mô tô biển số 59P1-345.69 thu giữ của bị cáo Hoàng Phú Trường K đã trao trả cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Thanh Tuấn V2; Trả cho bị cáo Sú A S 01 xe mô tô hiệu Suzuki biển số 59S1 – 380.78, số tiền 5.300.000 đồng; Trả cho bị cáo Huỳnh Tấn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đồng.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2021/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn A 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19/6/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/11/2021, bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn A kháng cáo kêu oan, không phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên kháng cáo, tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét.

*** Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm:**

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2021/HSST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn A 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2019. Ngoài ra, Bản án còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác.

Ngày 22/11/2021, bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn A kháng cáo kêu oan.

Qua xem xét hồ sơ điều tra, truy tố, xét xử của cấp sơ thẩm, nhận thấy:

[1] Về đánh giá chứng cứ: Cấp sơ thẩm dựa vào lời khai của K, V, S, V1, T để buộc tội Tuấn A nhưng lời khai của các bị cáo này có nhiều mâu thuẫn, chưa đủ chính xác để đánh giá tính trung thực trong các lời khai, cụ thể:

[1.1] Đối với bị cáo K và V:

- Thứ nhất: Ngay tại biên bản bắt quả tang lúc 01 giờ 10 phút ngày 28/01/2019 (BL 102, 103) , K khai mua ma túy của P ở Gò Vấp chứ không khai mua của Tuấn A, biên bản ghi lời khai cùng ngày 28/01/2019 lúc 2 giờ khai mua của Tuấn A, đến 4 giờ thì lại khai mua của P, sau đó khai mua của Tuấn A (BL 178-181), đến phiên tòa sơ thẩm ngày 16/11/2021 lại khai mua của của Linh ở Sài Gòn (BL 659).

- Thứ hai: Ngay khi bị bắt V khai không biết ma túy K mua ở đâu (BL 206, 207), các lời khai tiếp theo khai mua của Tuấn A (BL 208-213), sau lại khai không biết mua ở đâu.

- Thứ ba: Về cách thức mua bán ma túy, từ đầu và rất nhiều lời khai K khẳng định V gọi điện trực tiếp cho Tuấn A, V lại khai V gọi cho K rồi K báo lại Tuấn A, sau đó V và K đều khai thống nhất khi người nghiện điện trực tiếp hỏi mua ma túy của V, V báo cho K, K báo cho Tuấn A để Tuấn A hoặc K mang ma túy bán cho người nghiện hoặc số lượng lớn thì Tuấn A hoặc K sẽ giao rồi V sẽ đi thu tiền, V không giao dịch với Tuấn A mà chỉ thông qua K.

- Thứ tư, lời khai K còn mâu thuẫn: Tại BBGLK lúc 02h ngày 28/01/2019 (bút lục 178-179), K khai lúc 19h ngày 27/01/2019, Tuấn A đến phòng 101 nhà nghỉ Quốc H giao cho K 01 gói ma túy, sau đó bị kiểm tra phát hiện. Nhưng tại BBGLK lúc 06h ngày 28/01/2019 (bút lục 182-185), K khai lúc 19h ngày 27/01/2019, K đến phòng trọ của Tuấn A lấy 01 gói ma túy đi giao, khi cầm về nhà nghỉ thì bị kiểm tra

phát hiện. Đến lời khai ngày 01/02/2019 (BL 186-187) và ngày 03/02/2019 (BL 188-189) lại khai Tuấn A đến nhà nghỉ nhưng giao ma túy bên ngoài nhà nghỉ chứ không phải trong phòng

[1.2] Đối với bị cáo S, T và V1

Lời khai ngay sau khi bị bắt, T khai không biết Tuấn A bán ma túy và không giúp Tuấn A bán ma túy. Tiếp đó khai ma túy Tuấn A đưa giao cho S để trong chiếc hộp bằng bìa carton và có nhận 2.000.000 đồng của S, nhưng sau đó lại khai để trong bao thuốc lá và không nhận tiền (phù hợp với lời khai của S). Ngoài ra, có rất nhiều người nghiện ma túy khai mua ma túy của T nhiều lần đã được nhận dạng và đối chất như Dương Ngọc Nhiều, Nguyễn Tấn Phát (BL 197-205, 387, 388), nhưng T không thừa nhận (BL 178-181), do đó không thể dựa vào lời khai của T để buộc tội Tuấn A trong khi chính T còn khai báo chưa trung thực. Đồng thời, ngay từ đầu và có một số lời khai T khai có mâu thuẫn với Tuấn A vì T dẫn vợ của Tuấn A đến nhà bạn gái Tuấn A (BL 156, 157), phía Tuấn A cũng có lời khai mâu thuẫn nhỏ nhặt với T (Biên bản đối chất BL 305-30).

Ban đầu V1 thừa nhận có đến phòng trọ trả tiền ma túy cho Tuấn A dùm S 02 lần (BL 131-133, 138, 139), lần đầu Tuấn A bận nên đưa cho T, lần thứ hai không có Tuấn A nên đưa cho T, sau đó khai cả hai lần Tuấn A đều nhìn thấy, cuối cùng lại khai không trả tiền cho Tuấn A. Tuy nhiên CQĐT chưa tiến hành đối chất giữa T với S và V1 làm rõ nội dung này nhằm xác định vai trò của Tuấn A, tính trung thực trong lời khai của V1, T và số lần T tham gia bán ma túy

Khi bị bắt, S khai đây là lần đầu mua ma túy của Tuấn A (BL 100-101), do T giao. Sau đó khai mua 3 lần trong đó T giao 02 lần (BL 102-103), tại BB đối chất ngày 23/9/2019 (BL 182, 183) khai mua 5 lần (BL 182-183). Sau đó có rất nhiều lời khai và bản cung khai mua 8 lần trong đó T giao 06 lần, lần cuối là ngày 05/4/2019 (BL 104,105); Như vậy sau rất nhiều lời khai mâu thuẫn cuối cùng S khai T chỉ giao ma túy 01 lần vào khoảng tháng 02/2019 phù hợp với lời khai của T từ đầu đến cuối, tuy nhiên ngày 05/4/2019 S bị bắt khi đang cất giữ ma túy loại Methamphetamin theo theo kết luận giám định là 13, 3718 gam (BL 84). Như vậy

có cơ sở buộc Tuấn A phải chịu trách nhiệm hình sự hay không trong khi số ma túy này S mua vào ngày 05/4/2019.

Biên bản kiểm tra điện thoại của S A S không có số của Tuấn A mà chỉ có số của T nên không thể xác định được T giao ma túy cho Tuấn A hay chính T là người bán ma túy

[2] Về tố tụng và thu thập chứng cứ:

- Khi bị bắt vào ngày 28/01/2019 (BL 102, 103), K khai Tuấn A giao ma túy cho K và Khi bị bắt vào ngày 09/4/2019 (BL 60-62) S khai mua ma túy của Tuấn A đều thông qua điện thoại nhưng cơ quan điều tra không tiến hành bắt khẩn cấp, thu giữ điện thoại của Tuấn A và xác minh các cuộc gọi giữa Tuấn A với K và S, giữa các con nghiện với Tuấn A nhằm xác định tính trung thực trong lời khai của K, S, T, V, V1 và người nghiện (mãi đến ngày 19/6/2019 mới tiến hành bắt Tuấn A).

- Biên bản Kiểm tra điện thoại Iphone tạm giữ của Nguyễn Thanh Tuấn A (BL 275b, 275c) không có Tuấn A chứng kiến và không có chữ ký của Tuấn A nên việc trong danh bạ có lưu 02 số điện thoại của S A S, thì Tuấn A không thừa nhận. Nội dung các biên bản thu giữ điện thoại của S, Tuấn A và K lại không thể hiện nhật ký cuộc gọi với nhau, hộp thư tin nhắn đều trống (các BL 78, 466, 467).

- Nhân chứng Phạm Phú A khai từ tiền cùng K mua ma túy của Tuấn A và sử dụng ma túy tại nhà trọ của Tuấn A khoảng 10 lần, Nguyễn Ngọc Q khai mua ma túy của Tuấn A 02 lần, La Văn N khai mua ma túy của Tuấn A 01 lần đều qua điện thoại và K là người giao ma túy cho Tuấn A (BL 214-218). Bản thân K không khai rõ về việc này, nhưng chưa tiến hành cho Q, N nhận dạng, đối chất với Tuấn A, Q đối chất với K, A nhận dạng và đối chất với Tuấn A để làm rõ hành vi của Tuấn A và xác minh tính trung thực, khách quan trong lời khai những người này, bởi việc mua bán ma túy giữa K với Tuấn A không có người chứng kiến, lời khai của K lại không thống nhất, bị cáo V là đồng phạm nhưng chỉ giao dịch thông qua K, V không trực tiếp giao dịch với Tuấn A nên việc K giúp Tuấn A bán ma túy cơ bản chỉ dựa vào lời khai của K (BB nhận dạng BL 136-138 là không khách quan, vi phạm tố tụng, Tòa sơ thẩm đã trả hồ sơ nhưng cơ quan điều tra chưa điều tra lại).

- Biên bản ghi lời khai ngày 28/01/2019 (BL 178-181) K khai rủ V đến phòng 101 nhà nghỉ Quốc H do K thuê sử dụng mua túy và cả hai đã sử dụng ma túy vào lúc 22 giờ ngày 27/01/2019. Biên bản ghi lời khai ngày 28/01/2019 (BL 208, 209), bản tự khai (BL 205) V cũng khai K rủ V đến sử dụng ma túy, phù hợp lời khai của K. Như vậy, K có hành vi rủ rê, lôi kéo V cùng sử dụng ma túy nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành điều tra làm rõ là có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội.

- Phạm Thị Bích P khai dụng cụ ma túy thu tại phòng của P do Tuấn A mang đến (BL 63, 234, 235), Tuấn A không thừa nhận (BL 163) nhưng chưa cho đối chất nhận dạng giữa P và Tuấn A để xác định nguồn gốc ma túy và cách thức sử dụng, Võ Thanh Phong khai thấy Tuấn Em thường lui tới phòng trọ chỗ kho thuốc lá nơi công an khám xét (BL 227, 228), Tuấn A cũng khai Nguyễn Thanh Tuấn Em thường lui đến phòng trọ của Tuấn A (BL 236-239) nhưng chưa hỏi Tuấn Em về nguồn gốc số tang vật được thu giữ, việc khám xét khẩn cấp chỗ ở của Tuấn A không có Tuấn A chứng kiến mà chỉ có Nguyễn Thanh Tuấn V2 chứng kiến và ký vào biên bản (BL 56-58) nhưng chưa hỏi V2 về nguồn gốc số tang vật được thu giữ, trong đó có cần sa theo kết luận giám định có khối lượng 15,0871 gam là điều tra đầy đủ.

- K khai bán ma túy cho Tuấn A để mỗi ngày Tuấn A cho 200.000 đ, sau lại khai lần đầu được 1.000.000đ, lần sau được 500.000đ, sau đó lại khai lần đầu được 500.000đ, lần sau được 500.000đ; V khai mỗi lần được Tuấn A cho 100.000đ đến 200.000đ tiền bán ma túy nhưng chưa làm rõ cụ thể mỗi bị cáo được lợi bao nhiêu để buộc tịch thu sung công.

- Biên bản phiên tòa ngày 15/12/2020 thể hiện Hội thẩm nhân dân tham gia là ông Nguyễn Trọng Lâm và Phạm Công Gia nhưng Biên bản thảo luận và Quyết định hoãn phiên tòa lại là ông Nguyễn Trọng Lâm và Nguyễn Quốc Toàn (BL 499-504), vi phạm thủ tục tố tụng.

- Không thu thập Trích lục tiền án, tiền sự của bị cáo Hồ Thanh Thảo V1, vi phạm điểm h, khoản 2 Điều 1 và khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 của VKSNDTC, BCA và TANDTC, là điều tra chưa đầy đủ.

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm Nguyễn Thanh Tuấn A không thừa nhận việc bán ma túy. Lời khai của các đồng phạm và nhân chứng hiện còn mâu thuẫn nhau, không có chứng cứ vật chất xác định hành vi của Tuấn A, việc điều tra thu thập chứng cứ ở cấp sơ thẩm chưa đầy đủ, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Với những thiếu sót nêu trên, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Về kháng cáo: Do đề nghị hủy án để điều tra lại nên không xem xét kháng cáo của bị cáo.

**** Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa nêu quan điểm:***

Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn A về tội “mua bán trái phép ma túy” theo khoản 2 Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là không có căn cứ pháp luật, có dấu hiệu oan sai, xâm phạm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bị cáo, bởi vì:

1/ Bị cáo Tuấn A không phạm tội quả tang về hành vi “mua bán trái phép chất ma túy”.

2/ Quá trình giữ người khẩn cấp và khám xét nơi ở của bị cáo Tuấn A không thu được ma túy để chứng minh bị cáo Tuấn A có hành vi “tàng trữ, mua bán trái phép ma túy”.

3/ Trong suốt quá trình từ khi bị bắt đến khi có kết luận điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Tuấn A kêu oan không nhận tội và phủ nhận những lời khai buộc tội của các bị cáo khác: Cơ quan tố tụng cũng không có chứng cứ, tài liệu hình ảnh cụ thể nào về địa điểm, ngày giờ chứng minh bị cáo Tuấn A gặp gỡ, giao dịch với các bị cáo khác trong vụ án.

4/ Việc mua bán ma túy của bị cáo Hoàng Phú Trường K và Sứ A S xảy ra trong quá khứ (tháng 01/2019 và tháng 04/2019), trong khi đến tháng 6/2019 mới có lệnh bắt bị cáo Tuấn Anh để tạm giam. Do vậy, việc thu thập chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo K và S có liên quan đến bị cáo Tuấn A là không có, chỉ dựa vào một số lời khai của các bị cáo khác là không khách quan.

5/ Quá trình bắt giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tố tụng chỉ căn cứ hoàn toàn vào một số lời khai buộc tội của các bị cáo khác và tất cả các lời khai này đều bị bị cáo Tuấn A phủ nhận.

6/ Bản án sơ thẩm kết luận bị cáo Tuấn A phải chịu trách nhiệm đối với khối lượng 2,7022gam ma túy của bị cáo K và 13.3718gam ma túy của bị cáo Sú A S. Tổng cộng là 16,6740gam ma túy, tuy nhiên cơ quan tố tụng không thu thập được chứng cứ chứng minh có sự liên quan giữa số ma túy nêu trên với bị cáo Tuấn A theo đúng trình tự qui định tại Điều 85 BLTTHS 2015, đặt biệt là thời gian, không gian, địa điểm, phương thức liên lạc, giao nhận tiền, ma túy... là vi phạm qui định tại điều 15 BLTTHS 2015 về nghĩa vụ chứng minh tội phạm của cơ quan tố tụng.

7/ Cơ quan tố tụng chỉ dựa vào một số lời khai bất lợi của các bị cáo khác để buộc tội bị cáo Tuấn A mua bán ma túy. Tuy nhiên, lời khai của các bị cáo này có nhiều mâu thuẫn, trái ngược nhau, có dấu hiệu bị mớm cung nhằm đổ tội cho bị cáo Tuấn A cụ thể:

- Lời khai của Hoàng Phú Trường K: Theo nội dung Cáo trạng thì bị cáo Hoàng Phú Trường K được bị cáo Tuấn A 03 lần giao ma túy cho bị cáo K phân lẻ bán cho con nghiện và được hưởng tiền công. Ở lần giao ma túy thứ 3 (ngày 27/01/2019), bị cáo K chưa kịp tiêu thụ thì bị bắt quả tang ngày 28/01/2019. Tuy nhiên tại Biên bản ghi lời khai ngày 28/01/2019 (BL186) bị cáo K khai nguồn gốc 02 gói ma túy bị bắt quả tang ngày 28/01/2019 là mua của một người tên “P” chứ không phải của Tuấn A, cũng tại bản khai ngày 11/11/2020 (BL 468) bị cáo K khai tối ngày 27/01/2019 vào lúc 19 giờ, Phương có xuất hiện tại phòng 106 nhà nghỉ Quốc H mà bị cáo thuê, P mượn điện thoại của bị cáo, thay sim và gọi cho bạn. Như vậy có cơ sở để tin rằng bị cáo K có dấu hiệu đổ tội cho bị cáo Tuấn A.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo K khai không mua ma túy của bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn A, lời khai tại phiên tòa trùng với lời khai ban đầu tại cơ quan điều tra (BL 186).

- Lời khai của Sú A S: Theo nội dung cáo trạng thì Sú A S 8 lần mua ma túy của Tuấn A (trong đó có 1 lần lấy từ “T Em” vào khoảng tháng 2/2019. Ngày 9/4/2019, Sú A S bị bắt quả tang với khối lượng hơn 13 gam. Trong khi đó tại Biên

bản ghi lời khai (BL 100) bị cáo S khai chỉ lấy ma túy của bị cáo Tuấn A lần đầu, chưa kịp tiêu thụ hết thì bị bắt. Tại Biên bản đối chất ngày 23/09/2019 (BL 182) S khai T Em có 5 lần giao ma túy cho S. Tuy nhiên, Biên bản hỏi cung ngày 13/08/2020 (BL 385), bị cáo S lại khai “T chỉ giao ma túy 01 lần vào khoảng tháng 02/2019” Viện kiểm sát đã chấp nhận lời khai này tại Công văn số 393 ngày 01/10/2020. Nếu nói như vậy thì lần thứ 5 (lần cuối S bị bắt quả tang) không phải do Thiên giao ma túy cho S như lời S khai lúc đầu, việc này Cáo trạng chưa làm rõ. Mặt khác nếu là Tuấn A giao thì tại sao từ đầu S lại khai là T Em giao. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo S khai không nhận ma túy từ bị cáo Tuấn A.

Tóm lại những lời khai của S trước sau bất nhất, có dấu hiệu bị mớm cung và không khách quan nhưng cơ quan tố tụng lại dùng nó để buộc tội bị cáo Tuấn A là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Lời khai của bị cáo T Em: Theo nội dung Cáo trạng thì bị cáo T giao ma túy giúp Tuấn A 01 lần vào tháng 2/2019, chỉ giao chứ không lấy tiền bán ma túy từ Sús A S. Tuy nhiên tại Biên bản ghi lời khai ngày 11/05/2019 (BL 152) bị cáo T khai không biết Tuấn A mua bán ma túy và không giúp Tuấn A mua bán ma túy lần nào, là có sự mâu thuẫn trái ngược trong lời khai của bị cáo T nhưng chưa được cơ quan tố tụng làm rõ trong Cáo trạng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T khai không lấy ma túy từ bị cáo Tuấn A.

Từ mâu thuẫn trong lời khai của các bị cáo K, S, T nêu trên có thể nhận thấy điểm chung là tại cơ quan điều tra, ở những lời khai đầu tiên, các bị cáo này không có mua bán ma túy với bị cáo Tuấn A. Nhưng sau đó, các bị cáo này đồng loạt thay đổi lời khai ngược lại là có mua bán ma túy với Tuấn A.

Tại phiên tòa các bị cáo lại khai không có mua bán ma túy với bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn A, lời khai tại Tòa phù hợp với các lời khai đầu tiên của các bị cáo tại cơ quan điều tra.

Căn cứ để chứng minh có sự liên hệ giữa các bị cáo với nhau là các số điện thoại liên lạc, nhật ký cuộc gọi nhưng lại không được tìm thấy trong điện thoại của các bị cáo.

8. Giai đoạn thụ lý, xét xử sơ thẩm tòa án cấp sơ thẩm đã hai lần ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung vì có mâu thuẫn trong lời khai của các bị cáo cũng như quá trình thu thập tài liệu chứng cứ không đầy đủ, đặc biệt trong nội dung Quyết định trả hồ sơ số 13/2020/HSST-QĐ ngày 16/10/2020 của tòa sơ thẩm, tại mục 2.2, trang 2 nhận định: “...Hồ sơ thể hiện việc truy tố Nguyễn Thanh Tuấn A (tên gọi khác: Tuấn A Khổng Lò) về tội: “mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là thể hiện trên lời khai gián tiếp, truy xét, không có tài liệu chứng cứ chứng minh bị cáo Tuấn A trực tiếp bán ma túy cho các con nghiện và bán ma túy cho S, giao ma túy cho K bán ma túy cho các con nghiện, giao ma túy cho T bán ma túy cho S”. Đồng thời yêu cầu điều tra bổ sung các vấn đề như:

- Lập biên bản kiểm tra, thống kê dữ liệu của sim số 0379244817 của bị cáo V và sim số 0989860951 của bị cáo K.

- Thu thập chứng cứ trực tiếp chứng minh bị cáo Tuấn A bán ma túy cho các con nghiện, bán ma túy cho Sú A S và giao ma túy cho Hoàng Phú Trường Kỷ bán ma túy cho các con nghiện, giao ma túy cho Huỳnh Tấn T bán ma túy cho Sú A S.

Tuy nhiên ngày 12/11/2020, VKSND huyện T ban hành Công văn số 203/CV-VKS-TP trả lời Tòa án là việc thu thập chứng cứ trực tiếp chứng minh Tuấn A mua bán ma túy theo Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 13/2020 của Tòa án là không có cơ sở và không thể thực hiện được. Mặt khác cơ quan điều tra không giữ được sim điện thoại của V và K nên không thể kiểm tra dữ liệu sim số điện thoại của 2 bị cáo này, do đó VKS giữ nguyên quan điểm truy tố theo tội danh đối với các bị cáo trong Cáo trạng 49/CT-VKSTP-ĐN.

Trong phần xét hỏi công khai và tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Tuấn A tiếp tục kêu oan, các bị cáo khác đều khai nhận không mua bán ma túy với Tuấn A (lời khai tại Tòa phù hợp với lời khai ban đầu của các bị cáo tại cơ quan điều tra như đã trình bày phần trên). Thậm chí bị cáo K và bị cáo V còn khai rằng bị cáo K bị cán bộ điều tra đánh đập, buộc phải khai nhận đã mua bán ma túy với bị cáo Tuấn A.

Như vậy trong vụ án này, chỉ có một số lời khai của các bị cáo khác là mua ma túy từ Tuấn A nhưng chính các lời khai này lại có sự mâu thuẫn, trái ngược với các lời khai của ban đầu của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa như đã trình bày, ngoài ra không có bất K chứng cứ nào khác chứng minh bị cáo Tuấn A phạm tội, bị cáo thì liên tục kêu oan nhưng Tòa sơ thẩm vẫn buộc tội bị cáo Tuấn A là đi ngược lại quan điểm trước đó của chính mình trong 2 Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung nêu trên.

Theo quy định tại Điều 15, điều 85, 86, 88, 108 BLTTHS 2015 thì nghĩa vụ chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan tố tụng, phạm vi chứng minh tội phạm, trình tự thủ tục thu thập, xác định và đánh giá chứng cứ phải tuân thủ chặt chẽ, đảm bảo rằng mỗi chứng cứ phải được kiểm tra, đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án. Việc xác định những chứng cứ thu thập được đủ để giải quyết vụ án hình sự “Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải kiểm tra, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện mọi chứng cứ đã thu thập được về vụ án”. Điều 13 BLTTHS 2015 quy định rõ: “Khi không đủ và không thể làm S tố căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”.

Tòa sơ thẩm biết rõ là không đủ chứng cứ nhưng vẫn kết tội bị cáo Tuấn A mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm nguyên tắc “suy đoán vô tội” tại Điều 13 BLTTHS 2015.

Vì các lẽ trên tôi đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn A, sửa bản án sơ thẩm tuyên bị cáo Tuấn A không phạm tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 BLHS 2015 và trả tự do cho bị cáo ngay tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem

xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Trong quá trình điều tra vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử, cụ thể như sau:

[2.1] Về tố tụng:

Đối với Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát: Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 19/6/2019: Chỉ lập biên bản thành 03 bản, không ghi rõ giao cho Viện kiểm sát cùng cấp 01 bản là vi phạm khoản 2 Điều 198 Bộ luật tố tụng hình sự (*BL 58 tập 1*); Biên bản xác nhận số điện thoại ngày 06/8/2019: không có người chứng kiến, không có mặt kiểm sát viên (*BL 112 tập 1*); Biên bản kiểm tra dữ liệu, thống kê dữ liệu ngày 20/11/2019: có dấu hiệu cạo sửa ngày tháng, không có mặt bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn A và không có sự chứng kiến của Kiểm sát viên (*BL 275B tập 1*). Yêu cầu tra cứu của công an huyện T ngày 10/4/2019 yêu cầu tra cứu Hồ Thanh Thảo V1, giới tính Nam trong khi Hồ Thanh Thảo V1 giới tính là Nữ (*BL 122 tập 2*).

Đối với Tòa án: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa đã 02 lần ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung (số 06/2020/HSST-QĐ ngày 23/6/2020, *BL 360 tập 1* và số 13/2020/HSST-QĐ ngày 16/10/2020, *BL 453 tập 1*) là vi phạm khoản 2 Điều 174 Bộ luật tố tụng hình sự. Biên bản phiên tòa ngày 15/12/2020 thể hiện Hội thẩm nhân dân tham gia phiên tòa là ông Nguyễn Trọng Lâm và ông Phạm Công Gia nhưng Biên bản thảo luận và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 15/12/2020, Hội thẩm nhân dân lại là ông Nguyễn Trọng Lâm và ông Nguyễn Quốc Toàn (*BL 499-504 tập 1*).

[2.2] Về thu thập chứng cứ chưa đầy đủ:

- Sau bị bắt người phạm tội quả tang (*BL 102, 103 tập 1*), tại Biên bản ghi lời khai cùng ngày 28/01/2019 (*Bút lục 178-185 tập 1*) K khai Tuấn A giao ma túy cho K và biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 09/4/2019 (*BL 60-62 tập 2*) S khai mua ma túy của Tuấn A đều thông qua điện thoại nhưng cơ quan điều tra không tiến hành bắt khẩn cấp, thu giữ điện thoại của Tuấn A để xác minh các cuộc gọi giữa Tuấn A với K và S, giữa các con nghiện với Tuấn A nhằm xác định tính trung thực

trong lời khai của K, S, T, V, V1 và người nghiện, mãi đến ngày 19/6/2019 mới tiến hành bắt Tuấn A là vi phạm nguyên tắc “Mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng” (Điều 3 BLHS) và Điều 109, Điều 110 Bộ luật tố tụng hình sự, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử.

- Tại Biên bản Kiểm tra, thống kê dữ liệu điện thoại Iphone và Philips tạm giữ của Nguyễn Thanh Tuấn A: không có Tuấn A và Kiểm sát viên chứng kiến, không có chữ ký của Tuấn A, Kiểm sát viên dẫn đến việc bị cáo Tuấn A không thừa nhận trong danh bạ có lưu 02 số điện thoại của Sứ A S(*BL 275b, 275c tập 1*). Nội dung các Biên bản Kiểm tra, thống kê dữ liệu điện thoại của S (*BL 78 tập 2*), Biên bản Kiểm tra dữ liệu điện thoại của K lại không thể hiện nhật ký cuộc gọi với nhau, hộp thư tin nhắn đều trống (*BL 466, 467 tập 1*).

- Những đối tượng nghiện ma túy sau: Phạm Phú A khai hùn tiền cùng K mua ma túy của Tuấn A và sử dụng ma túy tại nhà trọ của Tuấn A khoảng 10 lần (*BL 332-333 tập 1*), Nguyễn Ngọc Q khai mua ma túy của Tuấn A 02 lần (*BL 217-218 tập 1*), La Văn N khai mua ma túy của Tuấn A 01 lần (*BL 225-226 tập 1*) đều qua điện thoại và K là người giao ma túy cho Tuấn A (*BL 214-218 tập 1*), Bản thân K không khai rõ về việc này, nhưng chưa tiến hành cho Quý, Nguyên nhận dạng, đối chất với Tuấn A, Quý đối chất với K, An nhận dạng và đối chất với Tuấn A để làm rõ hành vi của Tuấn A và xác minh tính trung thực, khách quan trong lời khai những người này, bởi việc mua bán ma túy giữa K với Tuấn A không có người chứng kiến, lời khai của K lại không thống nhất, bị cáo V là đồng phạm nhưng chỉ giao dịch thông qua K, V không trực tiếp giao dịch với Tuấn A nên việc K giúp Tuấn A bán ma túy cơ bản chỉ dựa vào lời khai của K (BB nhận dạng *BL 136-138 tập 1*) là không khách quan, vi phạm tố tụng), vấn đề này đã được Tòa sơ thẩm đã trả hồ sơ nhưng cơ quan điều tra chưa điều tra lại.

[2.3] Về bỏ lọt tội phạm, bỏ lọt hành vi phạm tội:

- Tại Biên bản ghi lời khai ngày 28/01/2019 (*BL 178-181 tập 1*) K khai rủ V đến phòng 101 nhà nghỉ Quốc H do K thuê sử dụng mua túy và cả hai đã sử dụng ma túy vào lúc 22 giờ ngày 27/01/2019. Bản tự khai (*BL 205 tập 1*) và Biên bản ghi lời khai ngày 28/01/2019 (*BL 208, 209 tập 1*), V cũng khai K rủ V đến sử dụng ma

túy, phù hợp lời khai của K. Như vậy, K có hành vi rử rê, lôi kéo V cùng sử dụng ma túy nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành điều tra làm rõ là có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội.

- Tại Bản tự khai của Dương Ngọc Nhiều (*không ghi ngày, BL 194 tập 2*), Nhiều khai vào ngày 06/3/2019 Nhiều đang chuẩn bị sử dụng ma túy với Nam và Phát thì bị Công an huyện T bắt quả tang. Như vậy, Nhiều, Nam và Phát đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành điều tra, làm rõ là có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội.

- Vai trò của bị cáo Tuấn A là chủ mưu, cầm đầu, trực tiếp bán ma túy và giao cho bị cáo K, V đi bán ma túy và trả tiền công; đưa ma túy cho bị cáo T để đi giao cho bị cáo S. Như vậy, hành vi của bị cáo Tuấn A là phạm tội có tổ chức theo điểm a khoản 2 Điều 251 BLHS, cấp sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo Tuấn A theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 BLHS là bỏ sót hành vi tổ chức ma túy trái phép chất ma túy.

- Phạm Thị Bích P khai dụng cụ sử dụng ma túy thu tại phòng của P do bị cáo Tuấn A mang đến (*BL 63, 234-235 tập 1*), bị cáo Tuấn A không thừa nhận (*BL 163 tập 1*) nhưng chưa cho P nhận dạng, đối chất với Tuấn A để xác định rõ nguồn gốc số ma túy và cách thức sử dụng ma túy.

- K khai bán ma túy cho Tuấn A để mỗi ngày Tuấn A cho 200.000 đ, sau lại khai lần đầu được 1.000.000, lần sau được 500.000đ, sau đó lại khai lần đầu được 5.00.000đ, lần sau được 500.000đ; V khai mỗi lần được Tuấn A cho 100.000 đ đến 200.000 đ tiền bán ma túy nhưng chưa làm rõ cụ thể mỗi bị cáo được lợi bao nhiêu để buộc tịch thu sung công.

Ngoài ra, hồ sơ thể hiện các bị cáo thường sử dụng địa điểm quán cà phê “Chuông G” (thuộc thị trấn T, huyện T) và nhà nghỉ “Quốc H” (thuộc khu 2, thị trấn T, huyện T) làm nơi giao dịch mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy. Nhưng cơ quan điều tra chưa làm rõ những người quản lý 02 địa điểm này có hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy để xử lý là thiếu sót, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Từ những phân tích trên, cho thấy quá trình điều tra, truy tố có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự trong thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án cấp

sơ thẩm không phát hiện những sai sót này đồng thời có những vi phạm về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Do đó, để có cơ sở giải quyết vụ án toàn diện, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, hành vi phạm tội, cũng không làm oan người không có tội, HĐXX phúc thẩm xét thấy cần hủy bản án số 127/2021/HS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T và chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại.

Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo Nguyễn Thanh Tuấn A.

[3] Về án phí: Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Do hủy bản án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm a, b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 127/2021/HS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

Chuyển hồ sơ về Viện kiểm sát huyện T để điều tra xét xử lại.

Về án phí: bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./\

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân H. T (2);
- Viện kiểm sát nhân dân H. T;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. T;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Sơn